

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 16/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Bảo;
Ông Vũ Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Hà và ông Trần Đức Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST- HS, ngày 06/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 21/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13/6/1973 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần S1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim T (đã chết) và bà Lê Thị C; chồng Nguyễn Văn N và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Nông Thị H1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/5/1983 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Kế toán Công ty Cổ phần S1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S và bà Nông Thị N1; chồng Tổng Thanh Hải H2 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. [Nguyễn Thị C1](#) (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/7/1990 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp trước khi phạm tội: Nhân viên phòng Kế hoạch [Công ty Cổ phần S1](#); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Đức K](#) và bà [Nguyễn Thị Đ](#); chồng [Hứa Đình H3](#) và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. [Nguyễn Thị X](#) (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/12/1978 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [Tổ E, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp trước khi phạm tội: Phó Giám đốc [Công ty Cổ phần S1](#); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Văn Đ1](#) và bà [Nguyễn Thị L](#); chồng [Phạm Xuân T1](#) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. [Hứa Văn N2](#) (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/02/1982 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT: [Thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); nơi ở hiện tại: [Tổ G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp trước khi phạm tội: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch [Công ty Cổ phần S1](#); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Hứa Văn X1](#) và bà [Triệu Thị H4](#); vợ [Ma Thị L1](#) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. [Hứa Minh T2](#), sinh năm 1959, trú tại: [Tổ G, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

2. [Đàm Thị Q](#), sinh năm 1984, trú tại: [Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;

3. [La Văn T3](#), sinh năm 1966, trú tại: [Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;

4. [Nguyễn Ngọc T4](#), sinh năm 1998, trú tại: [Tổ G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;

5. [Lục Thị H5](#), sinh năm 1998, trú tại: [Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

6. [Nguyễn Thị Y](#), sinh năm 1989, trú tại: [Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

7. 41 người trực tiếp đi mua hóa đơn (có danh sách kèm theo Bản án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần S1, mã số doanh nghiệp: 4700113327, địa chỉ: Tổ I, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kan do ông Hứa Minh T2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) kiêm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nguyễn Thị X là Phó Giám đốc Công ty. Nguyễn Thị Thu H là Kế toán trưởng Công ty. Hứa Văn N2 là Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh. Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là: Bán buôn tổng hợp, bán buôn, bán lẻ sách, thiết bị trường học, cho thuê hội trường, nhà nghỉ...; vốn điều lệ: 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng); kê khai thuế tại Cục Thuế tỉnh B.

Quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần S1 có nhờ bà Đàm Thị Q là nhân viên Công ty đứng ra thành lập Hộ kinh doanh phục vụ việc bán lẻ hàng hóa, dịch vụ của Công ty và được bà Q đồng ý. Hộ kinh doanh Đàm Thị Q, địa chỉ: Tổ I, phường Đ, thành phố B được Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố B cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Quá trình điều tra xác định, ông Hứa Minh T2, Giám đốc công ty là người phụ trách chung mọi hoạt động của Công ty, ông T2 giao kế hoạch kinh doanh và chỉ tiêu doanh thu hàng năm cho từng phòng trong Công ty, không trực tiếp điều hành các công việc cụ thể mà phân công Nguyễn Thị X, Phó Giám đốc phụ trách, điều hành các hoạt động kinh doanh lĩnh vực cho thuê hội trường, phòng nghỉ; phân công Nguyễn Thị Thu H, Kế toán trưởng phụ trách, điều hành hoạt động bán buôn, bán lẻ sách, thiết bị trường học, quản lý và sử dụng hóa đơn của Công ty, đồng thời H là người trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh và sử dụng hóa đơn của H6 kinh doanh Đàm Thị Q. Quá trình kinh doanh, một số khách hàng có nhu cầu viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn, nhân viên báo cáo H. Để thu hút khách hàng và tăng doanh thu, H thống nhất với X và nhân viên của công ty là Nông Thị H1, Nguyễn Thị C1 và Hứa Văn N2 thu thêm tiền hóa đơn, cụ thể: Hóa đơn dịch vụ thuê hội trường, phòng nghỉ thu từ 15% đến 30% phần viết khống, viết tăng giá trị; hàng hóa như sách, thiết bị trường học, văn phòng phẩm... thì thu từ 5% đến 10% phần viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn. Khi khách hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty hoặc Hộ kinh doanh Đàm Thị Q, H thông báo để nhân viên bán hàng lập bảng tính phần trăm thu tiền viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn và số tiền trả lại cho khách hàng. Sau đó, H in phiếu chi chuyển cho thủ quỹ để trả tiền cho khách hàng, khách hàng đến nhận tiền ký vào mục người nhận trên phiếu chi.

Kết quả điều tra xác định, trong năm 2022, Công ty Cổ phần S1 sử dụng 1.243 số hóa đơn, H6 kinh doanh Đàm Thị Q sử dụng 1.016 số hóa đơn. Nguyễn Thị Thu H đã nhất trí với Nguyễn Thị X và nhân viên của công ty là Nông Thị H1, Nguyễn Thị C1, Hứa Văn N2 bán trái phép 86 (tám mươi sáu) hóa đơn. Trong đó, 18 (mười tám) hóa đơn của Công ty Cổ phần S1 và 68 (sáu mươi tám) hóa

đơn của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q.](#) Tổng số tiền ghi trên 86 (tám mươi sáu) hóa đơn là 624.875.654đ (sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng), số tiền mua hàng hóa thực tế là 233.869.825 đ (hai trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng), số tiền chênh lệch từ việc viết không là 391.005.829đ (ba trăm chín mươi một triệu, không trăm linh lăm nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), số tiền bán hóa đơn thu được là 51.617.603đ (năm mươi một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, sáu trăm linh ba đồng), số tiền thuế nộp là 21.655.675 đ (hai mươi một triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng), thu lợi bất chính tổng số tiền 29.961.928đ (hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), cụ thể:

- [Nguyễn Thị X](#) trực tiếp bán trái phép 15 (mười lăm) hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) cho 10 đơn vị: [Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh B](#); [Chi cục Thủy lợi tỉnh B](#); [Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh B](#); [Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B](#); [Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn](#); [Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh B](#); Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn; [Văn phòng T6](#); Văn phòng [UBND tỉnh B](#); Vụ Giáo dục dân tộc thuộc [Bộ G](#). Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 185.300.000 đồng, số tiền mua hàng hóa thực tế là 53.200.000 đồng, số tiền chênh lệch từ việc viết không là 132.100.000 đồng, số tiền bán hóa đơn thu được là 26.497.500 đồng, số tiền thuế nộp là 13.725.925 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 12.771.575 đồng.

- [Nguyễn Thị H1](#) bán trái phép 34 (Ba mươi tư) hóa đơn, trong đó 03 hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) và 31 hóa đơn của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) cho 17 đơn vị: [Chi cục Thủy lợi tỉnh B](#); Đảng ủy các cơ quan tỉnh Bắc Kạn; [Đảng ủy xã Q](#); Đoàn thanh niên [xã Q](#); [UBND phường P](#); [Hội đồng nhân dân phường P](#); [Liên đoàn lao động tỉnh B](#); [Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh B](#); [Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh B](#); Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn; Thư viện tỉnh Bắc Kạn; [Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh B](#); [Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh B](#); [Trường PTDT bán trú THCS Đồng Xá huyện N](#); [Trường THCS H8](#); Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội và [Hội đồng nhân dân tỉnh B](#); Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 178.287.500 đồng, số tiền mua hàng hóa thực tế là 47.279.500 đồng, số tiền chênh lệch từ việc viết không là 131.008.000 đồng, số tiền bán hóa đơn thu được là 12.713.610 đồng, số tiền thuế nộp là 3.411.928 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 9.301.682 đồng.

- [Nguyễn Thị C1](#) bán trái phép 24 (hai mươi tư) hóa đơn của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) cho 10 đơn vị: [Trường THCS Đ2](#); [Trường Mầm non D](#); [Trường D](#); [Trường Mầm non Q1](#); [Trường T7](#); [Trường Mầm non C3](#); [Trường THCS C3](#); [Trường THCS Q2](#); [Trường tiểu học P1](#); [Trường T8](#). Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 123.064.754 đồng, số tiền mua hàng hóa thực tế là 25.201.325 đồng, số tiền chênh lệch từ việc viết không là 97.863.429 đồng, số tiền bán hóa đơn thu được là 9.403.053 đồng, số tiền thuế nộp là 1.845.971 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 7.557.136 đồng.

- [Hứa Văn N2](#) bán trái phép 13 (mười ba) hóa đơn của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) cho 09 đơn vị: [Trường THCS C4](#); [Trường P2](#); [Trường P3](#); [Trường Tiểu học B1](#); [Trường Tiểu học N4](#); [Trường T9](#); [Trường THCS C5](#); [Trường THCS Đ3](#); [Trường THCS thị trấn C](#). Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 138.223.400 đồng, số tiền mua hàng hóa thực tế là 108.189.000 đồng, số tiền chênh lệch từ việc viết khống là 30.034.400 đồng, số tiền bán hóa đơn thu được là 3.003.440 đồng, số tiền thuế nộp là 2.671.851 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 331.589 đồng.

Việc bán trái phép các hóa đơn nêu trên, [Nguyễn Thị Thu H](#) và [Nguyễn Thị X](#) không báo cáo, nên ông [Hứa Minh T2](#) không biết việc [Công ty Cổ phần S1](#) và [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) bán trái phép hóa đơn cho các đơn vị nêu trên.

Ngày 11/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh ra các Quyết định trưng cầu giám định số 84, 85, 86, 87, 88, 89 trưng cầu giám định viên [Phòng K2 Công an tỉnh B](#) giám định chữ viết, chữ ký của những người liên quan trên các phiếu thu, phiếu chi của [Công ty Cổ phần S1](#). Tại các Kết luận số 302 ngày 29/9/2023, số 311, 321 cùng ngày 20/10/2023, số 333 ngày 27/10/2023, số 341 và số 342 cùng ngày 03/11/2023 của [Phòng K2 Công an tỉnh B](#) kết luận đối với các mẫu đủ điều kiện giám định thì chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định và chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nguyễn Thị X](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị C1](#) và [Hứa Văn N2](#) khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSBK-P1 ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nguyễn Thị H1](#) về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự (BLHS). Truy tố các bị cáo [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#) về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS.

Điều 203 BLHS có nội dung:

“1. Người nào ..., mua bán trái phép hóa đơn, ... đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số ..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

d) ..., Hóa đơn, ... đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo [Nông Thị H1](#) từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung hai bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 BLHS xử phạt các bị cáo [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và Hứa Văn Nhân từ 50 đến 60 triệu đồng, không phạt bổ sung. Về vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án các hóa đơn và các phiếu thu, chi liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn; tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm trách nhiệm hình sự, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong năm 2022, [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nguyễn Thị X](#) đã thống nhất với [Nông Thị H1](#), [Nguyễn Thị C1](#), [Hứa Văn N2](#) bán trái phép 86 (tám mươi sáu) hóa đơn (đã ghi nội dung), trong đó 18 hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) và 68 hóa đơn của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#). Tổng số tiền ghi trên 86 hóa đơn là 624.875.654đ (sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi năm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng), số tiền mua hàng hóa thực tế là 233.869.825đ (hai trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi năm đồng), số tiền chênh lệch từ việc viết khống là 391.005.829đ (ba trăm chín mươi một triệu, không trăm linh năm nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), số tiền bán hóa đơn thu được là 51.617.603đ (năm mươi một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, sáu trăm linh ba

đồng), số tiền thuế nộp là 21.655.675đ (hai mươi một triệu, sáu trăm năm mươi năm nghìn, sáu trăm bảy mươi năm đồng), thu lợi bất chính tổng số tiền 29.961.928đ (hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: [Nguyễn Thị Thu H](#) phải chịu trách nhiệm đối với tổng số 86 hóa đơn bán trái phép; [Nông Thị H1](#) phải chịu trách nhiệm đối với 34 (ba mươi tư) hóa đơn trực tiếp bán; [Nguyễn Thị C1](#) phải chịu trách nhiệm đối với 24 (hai mươi tư) hóa đơn trực tiếp bán; [Nguyễn Thị X](#) phải chịu trách nhiệm đối với 15 (mười năm) hóa đơn trực tiếp bán; [Hứa Văn N2](#) phải chịu trách nhiệm đối với 13 (mười ba) hóa đơn trực tiếp bán.

Hành vi của các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nông Thị H1](#) đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 BLHS; các bị cáo [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#) đã phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS. Việc Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính tiền tệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết phải có một hình phạt tương xứng, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nông Thị H1](#), [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#) đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công đoàn [Công ty Cổ phần S1](#) có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, cụ thể:

Bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra, trong quá trình công tác bị cáo được Giám đốc [Sở G](#) tặng nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến từ 2011 đến 2014; năm 2004 và 2017, được [Ban chấp hành công đoàn giáo dục và đào tạo tỉnh B](#) tặng Giấy khen; năm 2015, 2017, 2020 và 2023 được Giám đốc [Công ty Cổ phần S1](#) tặng Giấy khen; năm 2014 được Đảng ủy Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn tặng Giấy khen; có mẹ đẻ là bà [Lê Thị C](#) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Nông Thị H1](#) trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 9.301.682 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trong quá trình công tác, năm 2018 được [Ban chấp hành Công đoàn Giáo dục và đào tạo tỉnh B](#) tặng Giấy khen; năm 2012 và 2014 được Giám đốc [Sở G](#) tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. Ngoài ra, bị cáo có bố mẹ đẻ là ông [Nông Văn S](#) và bà [Nông Thị N1](#) được [Ban](#) tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Nguyễn Thị C1](#) phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 7.557.136 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trong quá trình công tác, năm 2018 và 2023, bị cáo được [Ban chấp hành công đoàn Giáo dục và đào tạo tỉnh B](#) tặng Giấy khen; năm 2018 và 2020, được Ban Thường vụ công đoàn ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn tặng Giấy khen. Bị cáo có bố đẻ là ông [Nguyễn Đức K](#) được [Ban chấp hành Đảng bộ xã Q](#), [Ủy ban nhân dân xã Q](#), Chủ tịch [Ủy ban nhân dân huyện B](#) tặng thưởng nhiều Giấy khen; được Chủ tịch [Ủy ban nhân dân tỉnh T10](#) Huy hiệu vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn; được Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc. Ngoài ra, bị cáo còn có ông nội là ông [Nguyễn Đức N3](#) tham gia dân công hỏa tuyến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Nguyễn Thị X](#) phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 12.771.575 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trong quá trình công tác, năm 2016 được Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen và được Giám đốc [Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh B](#) tặng Giấy khen; năm 2020 được [Ban 1](#) tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn; năm 2012, 2013 và 2014 được Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo Bắc Kạn tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. Bị cáo có bố mẹ đẻ là ông [Nguyễn Văn Đ1](#) và bà [Nguyễn Thị L](#) được Chủ tịch [Ủy ban nhân dân tỉnh T](#) tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Hứa Văn N2](#) phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 331.589 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trong quá trình công tác, năm 2013 và 2014 được Giám đốc [Sở G](#); có bố đẻ là ông [Hứa Văn X1](#) được [Ủy ban nhân dân xã T10](#) nhiều Giấy khen, được Chủ tịch [Ủy ban nhân dân huyện B](#) tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là [Hứa Văn T5](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương kháng chiến hạng nhì; có bố vợ là

ông [Ma Xuân Á](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Huy hiệu 30, 40, 45 năm tuổi đảng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét toàn diện vụ án thấy rằng, các bị cáo có sự thống nhất (bằng miệng) với nhau trong việc thu phần trăm số tiền viết khống, viết tăng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn nên đã thỏa mãn dấu hiệu đồng phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đều xác định không được bàn bạc, phân công giữa Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các nhân viên trong quá trình bán hóa đơn trái phép. Việc bán hóa đơn, xuất phát từ yêu cầu của người mua, thì nhân viên báo cáo và được Kế toán trưởng đồng ý. Do vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định không có dấu hiệu của “Phạm tội có tổ chức” là có căn cứ.

Bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) là Kế toán trưởng, quản lý và sử dụng hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) và [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) nên bị cáo có vai trò chính, phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo [Nông Thị H1](#), [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#), [Hứa Văn N2](#) là những người trực tiếp thỏa thuận với khách hàng để bán trái phép hóa đơn nên đồng phạm với bị cáo [H](#) với vai trò là người thực hành. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với vai trò của bị cáo trong vụ án và tương ứng số lượng hóa đơn mua bán trái phép.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy, các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) và [Nông Thị H1](#) phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 203 BLHS, có số lượng hóa đơn mua bán trái phép cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với các bị cáo [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#) phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 203 BLHS, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, các bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính cho Nhà nước. Hơn nữa, hiện nay chính sách pháp luật đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền. Do vậy, xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo răn đe, giáo dục và tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) và [Nông Thị H1](#) phạm tội vì mục đích thu lợi bất chính, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#), xét thấy đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo là 29.961.928đ (hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng).

[8] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các hóa đơn và các phiếu thu, chỉ liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo. Tạm giữ số tiền các bị cáo tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án. Các khoản tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là người trực tiếp mua hóa đơn đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần chuyển cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu và môi trường [Công an tỉnh B](#) để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Các nội dung khác của vụ án:

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn mua trái phép hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) và [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) để lập khống hồ sơ quyết toán và chi cho các hoạt động chung của đơn vị đã vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều 13, Chương I, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 221 BLHS và tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 BLHS. Cơ quan điều tra sẽ đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm các cán bộ có liên quan và đề nghị thu hồi tiền sai phạm nộp ngân sách Nhà nước là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông [Hứa Minh T2](#), Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của [Công ty Cổ phần S1](#). Qua điều tra xác định, ông [T2](#) không chỉ đạo và không biết việc nhân viên của [Công ty Cổ phần S1](#) bán trái phép hóa đơn. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với [Đàm Thị Q](#) là người đứng tên thành lập Hộ kinh doanh [Đàm Thị Q](#). Qua điều tra xác định, toàn bộ hoạt động của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) do [Nguyễn Thị Thu H](#) chỉ đạo và điều hành. Hóa đơn và tài khoản của [H6](#) kinh doanh [Đàm Thị Q](#) được Phòng Kế toán quản lý và sử dụng. Khi đăng ký hóa đơn, [H](#) đề nghị bà [Q](#) ký trước vào tất cả các hóa đơn rồi giao cho [H](#) quản lý. Bà [Q](#) là nhân viên bán hàng tại cửa hàng, không được giao phụ trách hồ sơ, sổ sách, chứng từ, do đó không biết việc xuất hóa đơn cho khách hàng như thế nào. Quá trình điều tra không có tài liệu thể hiện bà [Q](#) biết việc bán trái phép hóa đơn. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với ông [La Văn T3](#), sinh năm 1966, trú tại: [tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) là Trưởng phòng Kế hoạch [Công ty Cổ phần S1](#). Qua điều tra xác định, ông [T3](#) không biết việc nhân viên của Phòng Kế hoạch viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn và thu tiền của khách hàng. Bản thân ông [T3](#) cũng không được ai trong công ty thông báo việc được phép viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn và thu tiền của khách hàng, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm là có căn cứ.

Đối với bà [Nguyễn Ngọc T4](#), sinh năm 1998, trú tại [tổ G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) là nhân viên Phòng Kế toán [Công ty Cổ phần S1](#). Qua điều tra xác định, bà [T4](#) là người trực tiếp viết hóa đơn của Công ty từ tháng 04/2022 đến tháng 12/2022, đồng thời kiêm nhiệm công tác thủ quỹ từ tháng 09/2022. Quá trình viết hóa đơn, bà [T4](#) chỉ thực hiện viết theo đúng bảng kê hoặc hợp đồng do nhân viên của Phòng Kế hoạch và [Nguyễn Thị X](#) đưa cho, bà [T4](#) không biết việc viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn. Quá trình làm thủ quỹ, bà [T4](#) thực hiện thu chi theo đúng số tiền ghi trên các phiếu thu, phiếu chi do [Nguyễn Thị Thu H](#) lập và lưu các phiếu thu, phiếu chi để theo dõi. Các nội dung cụ thể trong các phiếu thu, phiếu chi như thế nào bà [T4](#) không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với bà [Lục Thị H5](#), sinh năm 1998, trú tại [thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#) là nhân viên Phòng Kế toán [Công ty Cổ phần S1](#): Bà [H5](#) là thủ quỹ từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022, đồng thời là người trực tiếp viết hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) từ giữa tháng 3/2022 đến tháng 04/2022. Quá trình viết hóa đơn, bà [H5](#) chỉ thực hiện viết theo đúng bảng kê hoặc hợp đồng do nhân viên của Phòng Kế hoạch và [Nguyễn Thị X](#) đưa cho, bà [H5](#) không biết việc viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn. Quá trình làm thủ quỹ, bà [H5](#) thực hiện thu chi theo đúng số tiền ghi trên các phiếu thu, phiếu chi do [Nguyễn Thị Thu H](#) lập và lưu các phiếu thu, phiếu chi để theo dõi. Các nội dung cụ thể trong các phiếu thu, phiếu chi như thế nào bà [H5](#) không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với bà [Nguyễn Thị Y](#), sinh năm 1989, trú tại [tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) là nhân viên Phòng Kế toán [Công ty Cổ phần S1](#): Bà [Y](#) là người trực tiếp viết hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) từ tháng 01/2022 đến giữa tháng 03/2022. Quá trình viết hóa đơn, bà [Y](#) chỉ thực hiện viết theo đúng bảng kê hoặc hợp đồng do nhân viên của Phòng Kế hoạch và [Nguyễn Thị X](#) đưa cho, bà [Y](#) không biết việc viết khống, viết tăng giá trị hóa đơn. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị C1](#), [Nguyễn Thị X](#) và [Hứa Văn N2](#) phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Thu H](#) 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho [Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nông Thị H1](#) 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho [Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị C1](#) số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị X](#) số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Hứa Văn N2](#) số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc các bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính 29.961.928đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng) do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Cụ thể: Bị cáo [Nguyễn Thị X](#) nộp số tiền 12.771.575đ (Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng); [Nông Thị H1](#) nộp số tiền 9.301.682đ (Chín triệu, ba trăm lẻ một nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng); [Nguyễn Thị C1](#) nộp số tiền 7.557.136đ (Bảy triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng); [Hứa Văn N2](#) nộp số tiền 331.589đ (Ba trăm ba mươi một nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3.1 Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các hóa đơn và các phiếu thu, chi liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của [Công ty Cổ phần S1](#) và [H6](#) kinh doanh [Đàm Thi Q.](#)

3.2 Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo, cụ thể: Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai số 0000037 ngày 27/3/2024 của bị cáo [Nguyễn Thi Thu H.](#); số tiền 9.301.682đ 682đ (Chín triệu, ba trăm lẻ một nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng) theo biên lai số 0000018 ngày 22/02/2024 của bị cáo [Nông Thi H1](#); số tiền 12.771.575đ (Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai số 0000017 ngày 22/02/2024 của bị cáo [Nguyễn Thi X.](#); số tiền 7.557.136đ (Bảy triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai số 0000019 ngày 22/02/2024 của bị cáo [Nguyễn Thi C1](#); số tiền 331.589đ (Ba trăm ba mươi một nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai số 0000020 ngày 22/02/2024 của bị cáo [Hứa Văn N2](#).

3.3 Chuyển số tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu và môi trường [Công an tỉnh B.](#), để xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể: Số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) ông [Nông Văn C2](#) nộp theo biên lai số 0000113 ngày 10/5/2024; số tiền 11.852.100đ (Mười một triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, một trăm đồng) bà [Hà Thi H7](#) nộp theo biên lai số 0000015 ngày 05/02/2024; số tiền 19.310.400đ (Mười chín triệu, ba trăm mười nghìn, bốn trăm đồng) bà [Đỗ Thi Cẩm V](#) nộp theo biên lai số 0000016 ngày 06/02/2024.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo [Nguyễn Thi Thu H.](#), [Nông Thi H1](#), [Nguyễn Thi C1](#), [Nguyễn Thi X](#) và [Hứa Văn N2](#), mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Kinh tế Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương